

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 06 /2021/HNGĐ -ST.

Ngày: 24 - 6 - 2021.

V/v: Không công nhận là vợ chồng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giàng A Dao;

2. Bà Thào Thị Chu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý A Hờ - Thư ký tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021; về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Giàng Thị B, sinh năm 1972

Bị đơn: Ông Thào A P, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Bản H, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. (Cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Giàng Thị B trình bày: Bà và ông Thào A P chung sống như vợ chồng từ năm 1990 đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông P sử dụng ma túy, thường xuyên mắng chửi và không quan tâm đến gia đình, ông đã 3 lần chấp hành án tù về tội này nhưng không từ bỏ ma túy. Nay bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn chi đề nghị tòa án giải quyết ly hôn ông Thào A P.

Về con chung: Ông bà có ba con chung tuy nhiên các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ông Thào A P nhất trí với ý kiến trình bày của bà B, ông thừa nhận chung sống như vợ chồng với bà B từ năm 1990 đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên bà B xin ly hôn ông không nhất trí.

Về con chung: ông bà có ba con chung tuy nhiên các con đã trưởng thành.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến nhận định quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng pháp luật; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Giàng Thị B và ông Thào A P là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, do cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Giàng Thị B và ông Thào A P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn, trong cuộc sống ông sử dụng ma túy, thường xuyên mắng chửi và không quan tâm đến gia đình, do đó bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn ông Páo, xét mâu thuẫn ông bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận đề nghị của bà B. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Giàng Thị B và ông Thào A P có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình không công nhận bà Giàng Thị B và ông Thào A P là vợ chồng.

[3] Về con chung: ông bà khai thống nhất trong thời gian chung sống đã có 03 con chung, tuy nhiên hiện nay các con đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: nguyên đơn bà Giàng Thị B được miễn tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, do đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào các Điều 28,35,39,227,228,238, 271,273 của Bộ luật tố tụng dân
sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 của Nghị quyết số
326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định
về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Giàng Thị B và ông
Thào A P là vợ chồng.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí DSST cho bà Giàng Thị B.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ
ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hùng